TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dương

2. Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 837/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S , sinh năm 1974; địa chỉ: ấp 5, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1983; địa chỉ: ấp 5, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2023, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển số 01/2009 ngày 31/8/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần trao đổi với nhau, nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, nhưng

vẫn không giải quyết được. Nay ông S nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H .

Về con chung: Có 04 con chung tên là Nguyễn Mai Phương T, sinh ngày 10/11/2006, Nguyễn Mai Phương T1, sinh ngày 03/7/2008, Nguyễn Mai Phương T3, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Đức T4, sinh ngày 21/10/2012. Ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng tất cả các con chung thì ông S đồng ý và ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn S về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn.

Bà H không đồng ý ly hôn vì muốn con có gia đình đầy đủ. Theo bà mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn. Bà H xác định mâu thuẫn chỉ vì bà H không chăm sóc cho mẹ chồng khi bà bị bệnh nên ông S mới nộp đơn ly hôn tới Toà án. Thực tế vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã là do không phù hợp tính cách và nói chuyện với nhau không được, nhưng đó là chuyện gia đình ai cũng có nên không phải mâu thuẫn lớn.

Về con chung: Có 04 con chung tên là Nguyễn Mai Phương T1, sinh ngày 10/11/2006, Nguyễn Mai Phương T2, sinh ngày 03/7/2008, Nguyễn Mai Phương T3, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Đức T4, sinh ngày 21/10/2012. Trường hợp nếu ông S cương quyết ly hôn thì bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và cấp dưỡng nuôi con tuỳ ông S bà không có yêu cầu gì.

Về tài chung, nợ chung: Vì không đồng ý ly hôn nên bà H không có ý kiến gì đối với tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Theo ông S thì sau quá trình Tòa án hòa giải và cho vợ chồng thời gian để cùng nhau hàn gắn đoàn tụ thì vợ chồng ông vẫn không thể nói chuyện được với nhau. Bà H đi bán rau ở chợ từ sáng sớm cho đến 2,3 giờ sáng ngày hôm sau mới về, bà H không có thời gian chăm sóc chồng con, mọi chuyện gia đình lớn nhỏ cũng như chăm sóc con cái đều do ông S phải lo. Vợ chồng cũng có nói chuyện với nhau về mâu thuẫn gia đình, tuy nhiên bà H dùng nhiều lời lẽ xúc phạm ông S khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Ông S xác định thật sự không còn tình cảm với bà H và không thể chung sống được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ông ổn định cuộc sống chăm sóc con chung. Về các con chung thì ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 trẻ và không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì từ trước cho tới nay cũng mình ông chăm sóc các con, chi phí ăn uống học hành của các con đều do ông lo lắng.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Toà án đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Thị H . Giao các con chung là Nguyễn Mai Phương T1, sinh ngày 10/11/2006, Nguyễn Mai Phương T2, sinh ngày 03/7/2008, Nguyễn Mai Phương T3, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Đức T4, sinh ngày 21/10/2012 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H . Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H , bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án trong hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, ông Nguyễn Văn S khẳng định không còn tình cảm với bà H , vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu và không thể giải quyết được. Dù được Toà án tiến hành hoà giải hàn gắn

nhiều lần và cho thời gian để vợ chồng nói chuyện với nhau, tuy nhiên tình cảm thật sự không còn, ông S không thể chung sống với bà H nữa. Yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn để ông S ổn định cuộc sống và chăm sóc các con chung.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn như ông S trình bày. Do tính cách khác biệt nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã và kéo dài cho đến nay. Tuy nhiên bà xác định đó là mâu thuẫn gia đình nào cũng có và bà không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng có thời gian để cùng nhau hàn gắn tình cảm gia đình, để con cái có được một gia đình trọn vẹn đầy đủ. Toà án đã nhiều lần hoà giải hàn gắn và cho vợ chồng thời gian, tuy nhiên bà H không thể níu kéo tình cảm của ông S , không có biện pháp gì để cùng ông S xây dựng gia đình hạnh phúc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc ông S yêu cầu ly hôn với bà H là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S .

b) Về con chung: Có 04 con chung tên là Nguyễn Mai Phương T1, sinh ngày 10/11/2006, Nguyễn Mai Phương T2, sinh ngày 03/7/2008, Nguyễn Mai Phương T3, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Đức T4, sinh ngày 21/10/2012.

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Toà án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận nguyện vọng của các con chung, cả 04 trẻ đều có nguyện vọng được sống chung với ông S , đồng thời các trẻ đều cho rằng cha là người chăm sóc quan tâm đến các con từ nhỏ đến nay.

Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên toà hôm nay cũng như trong quá trình Toà án tiến hành hoà giải, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung từ lúc nhỏ cho tới nay. Bà H lo công việc làm ăn đi sớm về trễ, không có thời gian để chăm sóc, quan tâm, chia sẻ với các con. Việc học hành của các con đều do ông S lo lắng, đưa đón con đi học. Bà H giao toàn bộ công việc chăm sóc con cho chồng và đồng thời về kinh tế gia đình, theo sự xác nhận của các đương sự thì kinh tế đều do ông S lo, bà H làm nhưng không đóng góp vào kinh tế chung của gia đình. Cả hai bên đương sự

đều không chứng minh được thu nhập thực tế, tuy nhiên theo lời khai của ông S thì ông có mở tiệm hàn sắt và phế liệu, thu nhập trung bình hàng tháng từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng phù hợp với lời trình bày của 04 trẻ là tiền sinh hoạt và học hành của các con đều do ông S lo.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H vắng mặt không lí do và cũng không đưa ra bất kì tài liệu chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như chứng minh được khả năng nuôi con của mình để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Do đó, bà H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do đó, để đảm bảo cho các con chung có điều kiện tốt nhất cho sự phát triển và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S , giao các con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Thị H . Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Thị H .

Giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển số 01/2009 ngày 31/8/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao 04 con chung tên là Nguyễn Mai Phương T1, sinh ngày 10/11/2006, Nguyễn Mai Phương T2, sinh ngày 03/7/2008, Nguyễn Mai Phương T3, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Đức T4, sinh ngày 21/10/2012 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở bà H thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0011067 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).



THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết